

Bản án số: 271/2026/DS-ST
Ngày: 15-9-2026
V/v tranh chấp hợp đồng cho vay
(tín dụng)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Lệ Nga.

2. Ông Nguyễn Văn Niều.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Lê Bình Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 344/2026/TLST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2026, về tranh chấp dân sự hợp đồng cho vay (tín dụng), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 526/2026/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:*

1.1. CÔNG TY CỔ PHẦN M (Gọi tắt là: JUPITER). Địa chỉ trụ sở: Tầng A, Tòa nhà C, số B phố T, phường Y, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T - Chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Ngọc D - Chức vụ: Trưởng phòng Xử lý nợ (Theo Văn bản ủy quyền số: 09/2025/UQ-TGD ngày 18/12/2025 của ông Hoàng Anh T - TGD JUPITER cho ông Võ Ngọc D). Địa chỉ: Tầng G, Tòa nhà C, số D N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Võ Ngọc D uỷ quyền lại cho anh Nguyễn Minh T1 - Chuyên viên Xử lý nợ Miền T2. Địa chỉ: Số A, H, phường C, tỉnh Đồng Tháp. (Văn bản uỷ quyền số 477/2026/UQ-XLN-JUPITERMN, ngày 29/4/2026); có mặt.

1.2. Ngân hàng TMCP V (Gọi tắt là: V1). Địa chỉ: Tòa nhà V, số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D1 - Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Xuân S, chức vụ: Trưởng phòng Xử lý nợ Pháp lý khách hàng cá nhân 5 (Theo Văn bản ủy quyền số 16/2026/UQN-CTQT ngày 27/3/2026). Địa chỉ: Tầng C, số E, đường T, phường C, thành phố Cần Thơ. Ông Hà Xuân S ủy quyền lại cho anh Nguyễn Minh T1 - Chuyên viên Xử lý nợ Miền T2. Địa chỉ: Số A, H, phường C, tỉnh Đồng Tháp. (Văn bản số: 713/2026/UQN-PLKHCN5, ngày 29/4/2026); có mặt.

2. *Bị đơn*: Bà Bùi Thị Kim N, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp P, xã L, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 4 năm 2026, trong quá trình tiến hành tố tụng, đại diện các nguyên đơn JUPITER và V1, trình bày:

Theo Hợp đồng mua bán nợ số 39/2025/VPB-JUPITER ngày 26/9/2025 và Phụ lục đính kèm giữa V1 với JUPITER thì V1 đồng ý bán và JUPITER đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay là bà Bùi Thị Kim N, bao gồm các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay mà bà Bùi Thị Kim N đã ký kết với V1. Thông tin khoản nợ cụ thể như sau:

- Theo Hợp đồng cho vay số LN2305139150675 ngày 24/5/2023 bà Bùi Thị Kim N vay vốn tại V1 số tiền 335.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm ba mươi lăm triệu đồng); Thời hạn vay: 84 tháng; Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô hiệu DOTHANH IZ65, thùng bụi hạt, sản xuất năm 2022, mới 100% để phục vụ kinh doanh của khách hàng.

- Theo Hợp đồng cho vay số LN2406192966439 ngày 24/6/2024 bà Bùi Thị Kim N vay vốn tại V1 số tiền 110.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười triệu đồng); Thời hạn vay: 60 tháng; Mục đích sử dụng vốn: Tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình và phục vụ đời sống.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay trên là: Chiếc xe ô tô hiệu DOTHANH IZ65, biển số: 66H-024.94, số khung: RPPMD27APND000120, số máy: JE493ZLQ436100644, do bà Bùi Thị Kim N đứng tên sở hữu. Tài sản được thế chấp tại V1 theo Hợp đồng thế chấp số LN2305139150675 ngày 24/5/2023 được ký giữa V1 và bà Bùi Thị Kim N. Tài sản thế chấp được đăng ký biện pháp giao dịch bảo đảm theo văn bản chứng nhận số 1498809715, có hiệu lực ngày 24/5/2023 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh. Việc đăng ký giao dịch bảo đảm được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Bùi Thị Kim N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 05/6/2025 nên toàn bộ khoản nợ đã chuyển sang quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn.

Theo Hợp đồng mua bán nợ số 39/2025/VPB-JUPITER ngày 26/9/2025 và Phụ lục đính kèm giữa V1 với JUPITER thì V1 đồng ý bán và JUPITER đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay là bà Bùi Thị Kim N, cụ thể:

- Một phần (95%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay số LN2305139150675 ngày 24/5/2023 và Hợp đồng cho vay số LN2406192966439 ngày 24/6/2024.

Căn cứ vào quy định của pháp luật, JUPITER kế thừa quyền, nghĩa vụ của V1 phát sinh từ các hợp đồng này và các biện pháp bảo đảm kèm theo. Trong đó, có quyền thực hiện khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Tòa án theo quy định pháp luật. Đồng thời, V1 tiếp tục là chủ nợ và bên nhận bảo đảm tương ứng với phần khoản nợ chưa bán cho JUPITER.

Quá trình xử lý khoản vay, V1 và JUPITER đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu bà Bùi Thị Kim N thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay cho VPBANK/JUPITER tuy nhiên Bà Bùi Thị Kim N không thực hiện. Tạm tính đến ngày 16/3/2026, bà Bùi Thị Kim N còn nợ JUPITER và V1 tổng số tiền, cụ thể như sau:

	JUPITER	VPBANK	JUPITER và VPBANK
Nợ gốc	298.029.787	15.685.778	313.715.565
Nợ lãi	53.642.003	2.823.263	56.465.266
Tổng cộng	351.671.789	18.509.042	370.180.831

Vì các lẽ trên, JUPITER và V1 bà Bùi Thị Kim N đề nghị giải quyết các nội dung sau:

Buộc Bà Bùi Thị Kim N phải thanh toán cho JUPITER số tiền tạm tính đến ngày 16/3/2026 là: 351.671.789 đồng, Nợ gốc: 298.029.787 đồng, Nợ lãi: 53.642.003 đồng.

Buộc Bà Bùi Thị Kim N phải thanh toán cho V1 số tiền tạm tính đến ngày 16/3/2026 là: 18.509.042 đồng, Nợ gốc: 15.685.778 đồng, Nợ lãi: 2.823.263 đồng.

Đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong (các) Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ (nếu có) và văn bản tín dụng của khoản vay cho đến ngày bà Bùi Thị Kim N thực tế thanh toán hết nợ cho JUPITER và V1. Lãi phát sinh phải trả cho JUPITER và V1 tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

Kể từ ngày Bản án/Quyết định có hiệu lực pháp luật mà bà Bùi Thị Kim N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho JUPITER và V1 thì JUPITER và/hoặc V1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho JUPITER và/hoặc V1, cụ thể là: DOTHANH IZ65, biển số: 66H-024.94, số khung: RPPMD27APND000120, số máy: JE493ZLQ436100644, do bà Bùi Thị Kim N đứng tên sở hữu.

Số tiền thu được từ việc kê biên phát mại tài sản bảo đảm sẽ được thanh toán cho JUPITER và V1 theo đúng tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, JUPITER và/hoặc V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của bà Bùi Thị Kim N để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho JUPITER và/hoặc V1 cho đến khi thực tế trả hết (các) khoản nợ.

Buộc bà Bùi Thị Kim N phải chịu tiền án phí và chi phí tố tụng khác (nếu có).

Bị đơn, bà Bùi Thị Kim N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) nhưng bà N vẫn vắng mặt và không gửi văn bản ghi ý kiến cho Tòa án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của BLTTDS. Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; Buộc bị đơn bà Bùi Thị Kim N trả cho nguyên đơn JUPITER và V1 số tiền vay còn nợ gốc, lãi, phí mà các bên thỏa thuận theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự thỏa thuận cấp tín dụng bằng hình thức cho vay thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS.

[3] Tòa án đã thông báo cho bị đơn các thông báo thụ lý, hòa giải, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng họ không có văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản mà JUPITER và V1 đưa ra nên JUPITER và V1 không phải chứng minh các chứng cứ đã xuất trình cho Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92 của BLTTDS.

[4] Xét việc JUPITER và V1 yêu cầu bà N trả số tiền vay còn nợ và tiếp tục tính lãi theo các hợp đồng cho vay đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ, xử lý hợp đồng thế chấp là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 292, 303, 307, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 463, 466 của Bộ luật Dân sự, các Điều 100, 102, 103 và 107 của Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 23 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng N1, quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, chấp nhận yêu cầu của JUPITER và V1, buộc bà N phải trả cho JUPITER và V1 toàn bộ số tiền vay còn nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 16/3/2026, gồm: Trả cho JUPITER số tiền 351.671.789 đồng; V1 18.509.042 đồng và tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận mà các bên đã ký kết cho đến khi trả nợ xong. JUPITER và/hoặc V1 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là xe ô tô DOTHANH IZ65, biển số: 66H-024.94, số khung: RPPMD27APND000120, số máy: JE493ZLQ436100644, do bà Bùi Thị Kim N đứng tên sở hữu để thu hồi nợ.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ như Hội đồng xét xử đã nhận định nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào các Điều 144 và 147 BLTTDS, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bà N phải chịu toàn bộ án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, số tiền 17.583.000 đồng. Trả lại cho JUPITER và V1 tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 91, 92, 144, 147, 227, 228 và 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 292, 303, 307, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự; các Điều 100, 102, 103 và 107 của Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của CÔNG TY CỔ PHẦN M và NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN V.

1.1. Buộc bà Bùi Thị Kim N có nghĩa vụ trả (thanh toán) cho CÔNG TY CỔ PHẦN MBN JUPITER số tiền vay còn nợ tính đến ngày 16/3/2026 là 351.671.789 đồng (Ba trăm năm mươi một triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn bảy trăm tám mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc 298.029.787 đồng và lãi 53.642.003 đồng.

1.2. Buộc bà Bùi Thị Kim N có nghĩa vụ trả (thanh toán) cho NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN V số tiền vay còn nợ tính đến ngày 16/3/2026 là 18.509.042 đồng (Mười tám triệu năm trăm lẻ chín nghìn không trăm bốn mươi hai đồng), trong đó: Nợ gốc 15.685.778 đồng, lãi 2.823.263 đồng.

1.3. Buộc bà Bùi Thị Kim N phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 17/3/2026 cho đến khi trả xong nợ cho CÔNG TY CỔ PHẦN M và NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN V theo thỏa thuận tại các Hợp đồng cho vay số LN2305139150675 ngày 24/5/2023 và Hợp đồng cho vay số LN2406192966439 ngày 24/6/2024.

1.4. CÔNG TY CỔ PHẦN M, NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô DOTHANH IZ65, biển số: 66H-024.94, số khung: RPPMD27APND000120, số máy: JE493ZLQ436100644, số khung: MPBAMFE60RX614494, số máy: YN2RRX614494, do bà Bùi Thị Kim N đứng tên sở hữu, để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc bà Bùi Thị Kim N chịu 18.509.000 đồng (Mười tám triệu năm trăm lẻ chín nghìn đồng).

2.2. Trả lại cho CÔNG TY CỔ PHẦN M và NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.254.000 đồng theo Biên lai số 0010821 ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 15 tháng 9 năm 2026); đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên

án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú